

CHÍNH PHỦ

Số: 18/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định
số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ
quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành
quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan như sau:

1. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

1. Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;



b) Phạt tiền.

Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế thì mức phạt tiền là từ 1 đến 3 lần số thuế trốn, gian lận.

Đối với hành vi khai thiếu nghĩa vụ thuế hoặc khai tăng số thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu thì mức phạt tiền là 10% số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu khai tăng so với quy định của pháp luật.

Đối với hành vi chậm nộp tiền thuế thì mức phạt tiền là 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế nộp chậm.

Đối với hành vi không thực hiện trích, chuyển toàn bộ hoặc một phần tương ứng số tiền phải nộp từ tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế vào ngân sách nhà nước trong trường hợp tài khoản tiền gửi của người nộp thuế có số dư thì bị phạt tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển.

Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính khác về hải quan là 70.000.000 đồng và về thủ tục thuế là 100.000.000 đồng. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt được giảm xuống nhưng không thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể được tăng lên nhưng không vượt mức tối đa của khung tiền phạt.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm là văn hóa phẩm độc hại, hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng;

b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, phương tiện vi phạm;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tiêu tán, tiêu hủy trái với quy định của pháp luật;

d) Các biện pháp khác theo quy định tại Nghị định này.



4. Đối với hành vi vi phạm không bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu hàng hóa, phương tiện vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả thì hàng hóa, phương tiện vi phạm hành chính có thể được thông quan theo quy định của pháp luật nếu đối tượng vi phạm đã nộp đủ tiền phạt theo quy định hoặc được tổ chức tín dụng, tổ chức khác được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng bảo lãnh đối với số tiền phải nộp để thực hiện quyết định xử phạt.”

2. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

1. Các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định tại Điều 4 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm vi phạm hành chính năm 2008.

2. Hàng hóa, phương tiện vận tải được đưa vào lãnh thổ Việt Nam do bị hoả hoạn, thiên tai, dịch họa, sự kiện bất ngờ, trong tình thế cấp thiết phải khai hải quan theo quy định của pháp luật; hàng hóa, phương tiện vận tải đó phải được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam sau khi các yếu tố nêu trên được khắc phục.

3. Nhầm lẫn trong quá trình nhập khẩu, gửi hàng hóa vào Việt Nam nhưng đã được người gửi hàng, người nhận hoặc người đại diện hợp pháp thông báo bằng văn bản với cơ quan hải quan, được Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ chấp nhận trước thời điểm kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu là ma túy, vũ khí, tài liệu phản động, hóa chất độc Bảng I được quy định trong Công ước cấm vũ khí hóa học.

4. Khai bổ sung hồ sơ hải quan trong các trường hợp sau:

a) Trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, người khai hải quan phát hiện hồ sơ hải quan đã nộp có sai sót;

b) Người nộp thuế tự phát hiện những sai sót ảnh hưởng đến số thuế phải nộp trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhưng trước khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế. Trong trường hợp này, người nộp thuế vẫn bị xử phạt về hành vi chậm nộp thuế theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.



5. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu nhưng số tiền thuế chênh lệch không quá 500.000 đồng đối với trường hợp vi phạm do cá nhân thực hiện hoặc 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm do tổ chức thực hiện.

6. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng với khai hải quan về số lượng, trọng lượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định này mà hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với khai hải quan có trị giá không quá 10% trị giá hàng hóa thực xuất khẩu, thực nhập khẩu, nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng.

7. Khai đúng tên hàng hoá thực xuất khẩu, nhập khẩu nhưng khai sai mã số, thuế suất lần đầu.

8. Vi phạm quy định về khai hải quan đối với ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt, vàng (dạng khối, thỏi, hạt, miếng) của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu, giấy thông hành mà tang vật vi phạm có trị giá dưới 10.000.000 đồng.”

3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Vi phạm quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Khai và nộp hồ sơ hải quan không đúng thời hạn quy định, trừ vi phạm quy định tại điểm a, d, đ, e khoản 2; điểm a, b khoản 3; khoản 4 Điều này;

b) Không nộp đúng thời hạn chứng từ thuộc hồ sơ hải quan được chậm nộp theo quy định của pháp luật hải quan, trừ vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

c) Khai bổ sung hồ sơ khai thuế quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhưng trước khi cơ quan hải quan phát hiện việc khai thiếu nghĩa vụ thuế hoặc khai tăng số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu;

d) Khai điều chỉnh định mức tiêu hao nguyên liệu gia công hàng hoá để xuất khẩu, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu không đúng thời hạn quy định.



2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Khai thuế quá thời hạn quy định khi thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa đã được xác định không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế;

b) Không nộp hồ sơ để thanh khoản, quyết toán, xét hoàn thuế, không thu thuế đúng thời hạn quy định;

c) Không nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá được chậm nộp đúng thời hạn quy định;

d) Không làm thủ tục xử lý đúng thời hạn quy định đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê mượn thuộc hợp đồng gia công theo phương án đã đăng ký trong hồ sơ thanh khoản;

đ) Không tái xuất, tái nhập hàng hoá đúng thời hạn quy định hoặc thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan, trừ vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

e) Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới đúng thời hạn quy định;

g) Không chấp hành đúng chế độ báo cáo hàng hoá chịu sự giám sát, quản lý hải quan tại kho, cảng, khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật;

h) Vi phạm quy định khác về thời hạn khai thuế theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Không tái xuất hàng hoá tạm nhập thuộc diện miễn thuế đúng thời hạn quy định;

b) Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đúng thời hạn quy định, trừ vi phạm tại điểm e khoản 2 Điều này;

c) Lưu giữ hàng hoá quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn được phép.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này mà phương tiện vi phạm là ô tô dưới 24 chỗ ngồi.

5. Ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc tái xuất hàng hoá đối với vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2; điểm a khoản 3 Điều này, trừ trường hợp kê khai tiêu thụ và được phép tiêu thụ hàng hoá tại Việt Nam đối với trường hợp phải có sự cho phép thay đổi mục đích sử dụng của cơ quan có thẩm quyền;



b) Buộc tái xuất - phương tiện vận tải đối với vi phạm tại điểm e khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều này;

c) Buộc thực hiện việc quá cảnh hàng hoá đối với vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.”

4. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Vi phạm quy định về khai hải quan và khai thuế

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, số lượng, trọng lượng, xuất xứ hàng hoá trong các trường hợp sau:

a) Hàng hoá từ nước ngoài vào cảng trung chuyển, khu phi thuế quan hoặc từ cảng trung chuyển, khu phi thuế quan ra nước ngoài hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa để gia công, sửa chữa, bảo hành, trừ vi phạm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 14 Nghị định này;

b) Hàng hoá quá cảnh, chuyển khẩu;

c) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá hàng hoá trong các trường hợp sau:

a) Hàng hoá là nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, linh kiện nhập khẩu thuộc diện miễn thuế;

b) Hàng hoá tạm nhập, tạm xuất thuộc diện miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai không về tên hàng, số lượng, trọng lượng, trị giá hàng hoá xuất khẩu, trừ hàng hoá xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu hoặc tạm xuất, tái xuất.

4. Xử phạt đối với hành vi không khai hoặc khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu: ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế theo quy định, người nộp thuế còn bị phạt 10% số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu khai tăng nếu có một trong các hành vi sau đây:

a) Lập và khai không đúng các nội dung trong hồ sơ quyết toán thuế, hồ sơ thanh khoản, hồ sơ miễn thuế, hồ sơ xét miễn, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế;



b) Không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hoá, thuế suất, xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu mà cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình thông quan hàng hoá xuất nhập khẩu, trừ các hành vi quy định tại Điều 14 Nghị định này;

c) Vi phạm quy định tại điểm b khoản này mà bị phát hiện sau khi hàng hoá đã thông quan nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm đã tự nguyện nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định trước thời điểm lập biên bản vi phạm.

5. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp vi phạm đã bị xử lý theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.”

5. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra thuế

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã được đăng ký mà không ảnh hưởng đến số tiền thuế phải nộp hoặc chính sách mặt hàng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Không bố trí người, phương tiện phục vụ việc kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải khi cơ quan hải quan yêu cầu mà không có lý do xác đáng;

b) Vi phạm các quy định về lưu mẫu, lưu hồ sơ, chứng từ.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Không xuất trình hàng hoá còn đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

b) Không cung cấp chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan hải quan.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Đánh tráo hàng hoá đã kiểm tra hải quan với hàng hoá chưa kiểm tra hải quan;

b) Giả mạo niêm phong hải quan, giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá mà không phải là tội phạm.



5. Tịch thu tang vật vi phạm đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này để trốn thuế, gian lận thuế thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 14 Nghị định này. Trường hợp tang vật vi phạm thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật thì bị tịch thu sung công quỹ.”

6. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Vi phạm quy định về giám sát hải quan

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Di chuyển phương tiện vận tải chở hàng hoá quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu không đúng tuyến đường, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hải quan mà không có lý do xác đáng;

b) Tự ý phá niêm phong hải quan;

c) Tự ý thay đổi bao bì, nhãn hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan;

d) Không bảo quản nguyên trạng hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan hoặc hàng hóa được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành việc thông quan.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Tự ý tiêu thụ hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan;

b) Tự ý tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào Việt Nam;

c) Tự ý tiêu thụ hàng hoá được giao bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định.

3. Ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn bị phạt bổ sung hoặc bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này; trường hợp tang vật vi phạm không còn thì buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này nếu tang vật vi phạm là hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu; trường hợp tang vật vi phạm không còn thì buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm;



c) Buộc thực hiện việc chuyển khẩu, quá cảnh hàng hoá, phương tiện vận tải đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

7. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Vi phạm quy định về kiểm soát hải quan

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Không chấp hành hiệu lệnh của công chức hải quan theo quy định khi di chuyển phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan;

b) Không thực hiện yêu cầu mở nơi cất giữ hàng hoá theo quy định để thực hiện quyết định khám hành chính.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không có chứng từ hợp lệ trong địa bàn hoạt động hải quan;

b) Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới mà không phải là tội phạm.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên mà không phải là tội phạm;

b) Bốc dỡ hàng hoá không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hoá, vận tải đơn mà không có lý do xác đáng;

c) Tự ý xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan;

d) Tẩu tán, tiêu hủy hoặc vứt bỏ hàng hoá để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.



5. Tịch thu tang vật vi phạm đối với các vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3; điểm a, điểm d khoản 4 Điều này.

Vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều này mà tang vật vi phạm không còn thì bị buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm.”

8. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế

1. Người nộp thuế có một trong các hành vi trốn thuế, gian lận thuế sau đây chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế theo quy định còn bị phạt tiền 1 lần số thuế trốn, gian lận:

a) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp, không đúng với thực tế giao dịch để kê khai thuế; tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng từ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu;

b) Khai sai mã số hàng hoá, thuế suất đối với những mặt hàng đã được xác định mã số hàng hoá, thuế suất ở lần nhập khẩu trước dẫn đến xác định thiếu số tiền thuế phải nộp;

c) Vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này mà không tự giác nộp đủ số tiền thuế theo quy định trước thời điểm lập biên bản vi phạm;

d) Vi phạm quy định về quản lý hàng hoá trong khu phi thuế quan;

đ) Làm thủ tục xuất khẩu nhưng không xuất khẩu sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu;

e) Khai nhiều hơn so với thực tế hàng hoá xuất khẩu về chủng loại, số lượng, trọng lượng, sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu có số thuế gian lận từ 50.000.000 đồng trở lên mà không phải là tội phạm;

g) Xuất khẩu sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu không phù hợp với nguyên liệu đã nhập khẩu; nhập khẩu sản phẩm gia công từ nước ngoài không phù hợp với nguyên liệu đã xuất khẩu;

h) Tự ý thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá đã được xác định không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế mà không khai thuế;

i) Không khai hoặc khai sai hàng hoá nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa;

k) Không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu, chi liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;

l) Khai tăng so với định mức tiêu hao nguyên liệu gia công hàng hoá để xuất khẩu, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu mà không khai bổ sung trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra phát hiện;



m) Bán hàng miễn thuế không đúng đối tượng quy định;

n) Các hành vi cố ý không khai hoặc khai sai khác về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, thuế suất, xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để trốn thuế.

2. Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm nhiều lần đối với cùng hành vi vi phạm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì phạt tiền từ 2 đến 3 lần số thuế trốn, gian lận.

3. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp vi phạm đã bị xử lý theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.”

9. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Vi phạm quy định về nộp thuế

1. Người nộp thuế, người bảo lãnh nộp thuế có hành vi chậm nộp tiền thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế thì ngoài việc phải nộp đủ tiền thuế theo quy định còn bị phạt 0,05% mỗi ngày, tính trên số tiền thuế chậm nộp.

2. Người nộp thuế do khai sai đã được hoàn thuế cao hơn quy định thì bị phạt 0,05% mỗi ngày, tính trên số thuế được hoàn cao hơn.

3. Số ngày chậm nộp tiền thuế được tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế hoặc thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định đến ngày người nộp thuế đã tự giác nộp đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.”

10. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Vi phạm các quy định chính sách quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá trái với quy định của pháp luật về:

a) Trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới;

b) Nhập khẩu hàng viện trợ nhân đạo;

c) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng quà biếu, tài sản di chuyển, hàng hoá của người xuất cảnh, nhập cảnh;

d) Vi phạm quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này thì ngoài việc phạt tiền còn bị tịch thu tang vật vi phạm; trường hợp tang vật vi phạm thuộc danh mục xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện hoặc phải có giấy phép thì bị buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, đình chỉ xuất khẩu hoặc buộc tiêu hủy.



2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

- a) Quá cảnh, chuyển khẩu hàng hoá; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải không đúng nội dung giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng nội dung ghi trong giấy phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

- a) Quá cảnh, chuyển khẩu hàng hoá; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

- b) Tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập hàng hoá thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép;

- c) Xuất khẩu, nhập khẩu, đưa vào Việt Nam hàng hoá thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

- a) Xuất khẩu, nhập khẩu, đưa vào Việt Nam hàng hoá thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;

- b) Đưa hàng hoá giả mạo xuất xứ vào lãnh thổ Việt Nam;

- c) Xuất khẩu hàng hoá giả mạo xuất xứ;

- d) Nhập khẩu hàng hoá thuộc diện phải có giấy phép mà không xuất trình được giấy phép trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày hàng về đến cửa khẩu;

- đ) Xuất khẩu hàng hoá không có giấy phép theo quy định;

- e) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đủ điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

- g) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không có nhãn hàng hoá theo quy định pháp luật;

- h) Tự ý thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, máy móc, thiết bị để gia công; hàng hoá tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



5. Nhập khẩu, đưa vào Việt Nam hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật, hệ sinh thái thì xử phạt theo quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6. Ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn bị phạt bổ sung hoặc bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Tịch thu hàng hoá nếu vi phạm quy định tại điểm c khoản 3; điểm a, b, h khoản 4 Điều này; trừ trường hợp cơ quan quản lý chuyên ngành yêu cầu đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 30 ngày đến 90 ngày đối với các trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần một trong các vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đình chỉ xuất khẩu đối với vi phạm quy định tại khoản 2; điểm a, b khoản 3; điểm c, d, đ, e, g khoản 4 Điều này. Trong thời hạn quy định tại Điều 35 Nghị định này, nếu cơ quan quản lý chuyên ngành cho phép nhập khẩu thì được phép nhập khẩu.”

11. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Không thông báo cho cơ quan hải quan khi hợp đồng thuê kho đã hết hạn;

b) Không đưa hàng hoá ra khỏi kho ngoại quan khi hợp đồng thuê kho đã hết hạn.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Di chuyển hàng hoá từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác khi chưa được sự đồng ý của cơ quan hải quan;

b) Tự ý mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm kho ngoại quan;

c) Không mở sổ theo dõi việc xuất khẩu, nhập khẩu, xuất kho, nhập kho hàng hoá theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng hàng hoá từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan, kho bảo thuế; hàng hoá từ kho ngoại quan, kho bảo thuế đưa ra nước ngoài.

b) Không chấp hành đúng chế độ báo cáo hàng hoá chịu sự giám sát hải quan tại kho ngoại quan theo quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan hàng hoá thuộc diện không được lưu giữ trong kho ngoại quan theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp tục kinh doanh kho ngoại quan khi đã bị thu hồi Giấy phép thành lập kho ngoại quan;

c) Tẩy xoá, sửa chữa Giấy phép thành lập kho ngoại quan;

d) Tự ý tẩu tán hàng hoá lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế;

đ) Tiêu hủy hàng hoá lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế không đúng quy định pháp luật.

5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Tịch thu hàng hoá nếu vi phạm quy định tại các điểm d và đ khoản 4 Điều này. Trường hợp tang vật vi phạm không còn thì bị buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm;

b) Buộc đưa hàng hoá ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt hoặc buộc tiêu hủy hàng hoá vi phạm đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 trong trường hợp hàng hoá không thuộc hợp đồng thuê kho ngoại quan, điểm a khoản 4 Điều này. Đối với hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc tên gọi, xuất xứ Việt Nam thì buộc phải loại bỏ các dấu hiệu vi phạm trước khi đưa hàng hoá ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.”



12. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Xúc phạm, đe dọa, cản trở công chức hải quan đang thi hành công vụ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự hoặc cản trở công chức hải quan đang thi hành công vụ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa hoặc dùng vũ lực chống lại công chức hải quan đang thi hành công vụ mà không phải là tội phạm.”

13. Điều 23 được sửa đổi bổ sung như sau:

“Điều 23. Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính

1. Những người sau đây có quyền ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

Chi cục trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan.

2. Những người quy định tại khoản 1 Điều này có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính khi vắng mặt và được ủy quyền thực hiện các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính khác. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản. Cấp phó được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật.

3. Việc tạm giữ người phải tuân thủ đúng nguyên tắc, thủ tục, trình tự quy định tại Điều 44 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ.”

14. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 24. Tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Việc tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý.

Những người quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này có quyền quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.



Khi phát hiện có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Hải quan, Trưởng đoàn thanh tra thuế có thẩm quyền quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Trong trường hợp cần thiết công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định, người ra quyết định phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình được quy định tại khoản 1 Điều này và phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó; trong trường hợp không được sự đồng ý của họ thì người đã ra quyết định tạm giữ phải hủy ngay quyết định tạm giữ và trả lại vật, tiền, hàng hóa, phương tiện đã bị tạm giữ.

3. Việc tạm giữ tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp vừa có hàng hoá là tang vật vi phạm, vừa có hàng hoá không phải là tang vật vi phạm:

a) Trong một lô hàng có hàng hoá là tang vật vi phạm và hàng hoá không phải là tang vật vi phạm thì chỉ được tạm giữ hàng hoá là tang vật vi phạm. Trường hợp chưa xác định được có vi phạm xảy ra hay không thì chỉ lấy mẫu hàng hoá để làm cơ sở xác định;

b) Đối với tang vật là ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu, giấy thông hành thì chỉ tạm giữ số ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt vượt quá số ngoại tệ, tiền Việt Nam không phải khai hải quan theo quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Tang vật là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý, các chất ma túy và những vật thuộc diện quản lý đặc biệt phải được bảo quản theo quy định của pháp luật.

6. Đối với tang vật vi phạm hành chính là loại hàng hoá dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải lập biên bản riêng và tổ chức bán ngay. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

7. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ, người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ và xử phạt phải xử lý tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo những biện pháp trong quyết định xử phạt. Nếu không áp dụng hình thức phạt tịch thu thì trả lại tài liệu, tang vật hoặc tiền thu được do bán hàng hoá cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.



Thời hạn tạm giữ tài liệu tang vật, phương tiện vi phạm có thể được kéo dài nhưng không quá 60 (sáu mươi) ngày đối với các trường hợp vi phạm có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh hoặc liên quan đến nhiều cá nhân, tổ chức ở trong nước và nước ngoài.

8. Việc tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho tổ chức, cá nhân có tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ một bản.”

15. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 27. Khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm

1. Khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng ở nơi đó có cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm.

2. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này có quyền quyết định việc khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm.

Khi phát hiện có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Hải quan có thẩm quyền quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Trong trường hợp nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là nơi ở thì quyết định khám phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tiến hành khám.

3. Khi khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm phải có mặt người chủ nơi bị khám hoặc người thành niên trong gia đình họ và người chứng kiến. Trong trường hợp người chủ nơi bị khám, người thành niên trong gia đình họ vắng mặt mà việc khám không thể trì hoãn thì phải có đại diện của chính quyền cấp xã và hai người chứng kiến.

4. Không được khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ban đêm, ngày lễ, ngày Tết, khi người chủ nơi khám có việc hiếu, việc hỷ, trừ trường hợp khẩn cấp, phạm pháp quả tang hoặc việc khám đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

5. Mọi trường hợp khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm đều phải có quyết định bằng văn bản và phải lập biên bản. Quyết định và biên bản khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện phải được giao cho người chủ nơi bị khám một bản.”



16. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 28. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan

1. Nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội nghiệp vụ thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Hải quan (bao gồm Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan); Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Hải quan); Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng, trừ trường hợp xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Điều 14, Điều 15 và điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền tối đa đến 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực hải quan, 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thuế, trừ trường hợp xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9; Điều 14, Điều 15 và điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định này.
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;



đ) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất tang vật, phương tiện vi phạm;

e) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm là văn hoá phẩm độc hại, hàng hoá thuộc diện gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng;

g) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái phép.

h) Các biện pháp khác theo quy định tại Nghị định này.

5. Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 32 và 33 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính về hải quan được quy định tại Điều 13 Nghị định này.

6. Chỉ cục trưởng Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu và Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 9; Điều 14, Điều 15 và điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định này.”

17. Bổ sung Điều 28a sau Điều 28 như sau:

“Điều 28a. Ủy quyền xử lý vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 28 Nghị định này có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. Việc ủy quyền xử lý vi phạm hành chính phải được thực hiện bằng văn bản và phải xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn ủy quyền.

Trường hợp quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì việc ủy quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt.

2. Cấp phó được ủy quyền xử lý vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm về quyết định xử lý vi phạm hành chính của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.”

18. Điều 29 được sửa đổi như sau:

“Điều 29. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định Điều 28 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định này.



2. Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau đây: nếu mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi thuộc thẩm quyền của người xử phạt thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó. Nếu mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả quy định đối với một trong các hành vi đó vượt thẩm quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển toàn bộ hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt.

3. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hải quan xảy ra trên đất liền, vùng lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc địa bàn quản lý của Hải quan nơi nào thì Hải quan ở nơi đó có trách nhiệm xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này; trường hợp do Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm tra sau thông quan phát hiện thì thực hiện việc xử phạt theo thẩm quyền.

4. Ở những địa điểm dọc biên giới quốc gia, nơi chưa có tổ chức hải quan thì Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển đóng tại địa bàn đó có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại Điều 13 Nghị định này.”

19. Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 32. Lập biên bản vi phạm hành chính

Đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan không thuộc trường hợp quy định tại Điều 31 Nghị định này, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản theo quy định. Trong trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản đó phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Hình thức, nội dung, trình tự lập biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.”

20. Bổ sung Điều 36a sau Điều 36 như sau:

“Điều 36a. Định giá hàng hoá, tang vật vi phạm để xác định mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với các vi phạm hành chính Nghị định này quy định mức phạt tiền theo giá trị hàng hoá vi phạm hoặc quy định hình thức xử phạt tịch thu hàng hoá, tang vật vi phạm hành chính thì phải tiến hành định giá làm căn cứ cho việc xác định mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt đối với vi phạm hành chính.



Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 28 Nghị định này có trách nhiệm định giá hàng hoá, tang vật vi phạm và phải chịu trách nhiệm về việc định giá hàng hoá, tang vật vi phạm hành chính.

2. Tùy theo loại hàng hoá, tang vật cụ thể, việc xác định giá dựa trên một trong các căn cứ sau đây:

a) Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán hàng hoá hoặc tờ khai hàng hoá nhập khẩu (đã có thuế);

b) Giá thị trường tại thời điểm nơi phát hiện vi phạm hành chính;

c) Giá thành của hàng hoá nếu chưa xuất bán;

d) Giá trị thực tế còn lại của tang vật;

đ) Đối với tang vật là hàng giả thì giá của tang vật đó là giá thị trường của hàng thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm phát sinh vi phạm hành chính.

3. Trường hợp áp dụng các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này không phù hợp hoặc hàng hoá, tang vật khó xác định giá trị thì cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt thành lập Hội đồng định giá. Thành phần, nguyên tắc làm việc của Hội đồng định giá hàng hoá, tang vật vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nếu giá trị tang vật vi phạm thuộc thẩm quyền tịch thu của người đã ra quyết định tạm giữ thì người đó quyết định tịch thu; trong trường hợp trị giá tang vật vi phạm vượt quá thẩm quyền tịch thu của người đã ra quyết định tạm giữ tang vật thì phải chuyển vụ việc đến người có thẩm quyền.

4. Căn cứ định giá và các tài liệu liên quan đến việc định giá hàng hoá, tang vật vi phạm hành chính phải thể hiện trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính."

Điều 2.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

2. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 1 Nghị định này xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhưng tại thời điểm xử phạt Nghị định này đã có hiệu lực thì xử phạt theo quy định của Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.



4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng